TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HC-PT
Ngày: 16/4/2024
V/v "Khiếu kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Phạm Tồn**.

- *Các Thẩm phán:* ông **Phạm Văn Hợp** và ông **Nguyễn Tấn Long.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phan Văn Tâm**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 412/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2023 về "*Khiếu kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2023/HC- ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 631/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện*:** Ông Mai Ngọc H, sinh năm: 1963; cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Ngọc H: Luật sư Nguyễn Thị N đang hoạt động tại Công ty L - Chi nhánh Q1. Vắng mặt.

***- Người bị kiện*:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B *và Chủ tịch* Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Nguyễn Tuấn T – phó Chủ tịch UBND tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 27/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B). Có đơn xin vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định. Có đơn xin vắng mặt.

4. Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V*, tỉnh Bình Định và* Ủy ban nhân dân huyện V*, tỉnh Bình Định*: Ông Lương Đình T1 chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V*, tỉnh Bình Định và* Ủy ban nhân dân huyện V*, tỉnh Bình Định*: Ông Phan Văn C – phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền số 07, 08/GUQ-UBND ngày 21/8/2023 và ngày 23/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện V. Có đơn xin vắng mặt.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định: Ông Trần Văn B – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định: Ông Trần Văn B – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ban bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định: Ông Đặng Đình V – Phó trưởng phòng phòng giải phóng mặt bằng (văn bản ủy quyền số 02 ngày 25/4/2023). Có đơn xin vắng mặt.

3. Công ty cổ phần B2.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần B2*:* Ông Hà Thúc Duy S và ông Văn Phạm Minh N1; địa chỉ: Số A, đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền số 06/GUQ-BCĐ ngày 25/7/2023 và số 09/GUQ-BBD ngày 26/9/2023. Có đơn xin vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1968; có đơn xin vắng mặt.

5. Ông Mai Ngọc H1, sinh năm: 1991; vắng mặt.

6. Ông Mai Ngọc H2, sinh năm: 1992; vắng mặt.

7. Ông Mai Ngọc H3, sinh năm: 1995; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Mai Ngọc H ***và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà*** Nguyễn Thị Q***, ông*** Mai Ngọc H1***, ông*** Mai Ngọc H2***, ông*** Mai Ngọc H3 ***cùng thống nhất trình bày:***

Hộ gia đình ông Mai Ngọc H có đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 20, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, hộ gia đình ông chưa nhận được các Quyết định hành chính về việc phê duyệt phương án bồi thường quyết định thu hồi đất, cụ thể là các quyết định sau: Quyết định số 4337; Quyết định số 1659; Quyết định số 2158; Quyết định số 1864 (ông đã tìm được Quyết định số 1864 trên mạng Internet vào ngày 23/3/2023).

Vào ngày 10/3/2023, hộ gia đình ông nhận được bản chính Quyết định số: 249; ngày 22/3/2023, hộ gia đình ông nhận được bản chính Quyết định số 584. Trong quá trình giải quyết hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các cơ quan chức năng, hộ gia đình ông chỉ nhận được thông báo số: 78/TB-BGPMB ngày 14/3/2022 về việc yêu cầu nhận tiền bồi thường; Bảng chiết tính giá trị bồi thường của Ban giải phóng mặt bằng tỉnh. Sau khi nhận được Bảng chiết tính giá trị bồi thường lần đầu, hộ gia đình ông đã có đơn khiếu nại về việc gia đình ông đang thực tế sử dụng diện tích đất theo đo đạc tại thời điểm kiểm kê là 5.154,7m^2; trong đó bao gồm 1.818m^2 đất gia đình ông đấu giá của UBND xã C, còn lại 3.336,7m^2 là đất do gia đình ông khai hoang trước ngày 01/7/2004 nhưng UBND tỉnh B chỉ bồi thường cho hộ gia đình ông 1.126,7m^2 đất. Đến tháng 6/2022, hộ gia đình ông nhận được Bảng chiết tính điều chỉnh bổ sung của Ban giải phóng mặt bằng tỉnh, theo đó, hộ gia đình ông được điều chỉnh tăng diện tích bồi thường từ 1.126,7m^2 lên 2120,7m^2. Vì cho rằng toàn bộ diện tích đất 3.336,7m^2 là đất do gia đình ông khai hoang trước ngày 01/7/2004 nhưng tại lần điều chỉnh bổ sung, UBND tỉnh B chỉ xem xét bồi thường 2.120,7m^2 là chưa đủ diện tích đất gia đình ông khai hoang nên gia đình ông tiếp tục khiếu nại phương án bồi thường, hỗ trợ và khiếu nại việc xác định sai nguồn gốc đất của UBND xã C. Trong quá trình thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông, Ban giải phóng mặt bằng tỉnh đã có văn bản số 808/BGPMB-BT ngày 23/9/2022 về việc đề nghị phối hợp giải quyết đơn khiếu nại của ông Mai Ngọc H.

Đến ngày 07/11/2022, đại diện các cơ quan ban ngành bao gồm: Ban giải phóng mặt bằng tỉnh, B1, Công ty Đ1, UBND xã và ông Mai Ngọc H đã tiến hành lập biên bản xác định lại ranh giới thửa đất số 157, tờ bản đồ số 20 hộ ông Mai Ngọc H để làm căn cứ giải quyết khiếu nại.

Đến ngày 10/3/2023, hộ gia đình ông nhận được Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND xã C về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Ngọc H.

Như vậy, Quyết định số 249 đã được ký ban hành từ ngày 25/10/2022 nhưng đến ngày 10/3/2023 mới giao cho ông và Quyết định số 249 được ban hành trước khi cơ quan ban ngành tiến hành đo đạc lại ranh giới thửa đất ngày 07/11/2022. Như vậy, hiện tại biên bản xác định ranh giới thửa đất ngày 07/11/2022 chưa được UBND xã C sử dụng làm căn cứ giải quyết khiếu nại về việc xác định nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông. Nhận thấy có nhiều điểm bất hợp lý trong quá trình giải quyết hồ sơ bồi thường của hộ gia đình ông. Tại đây, ông được cán bộ giải thích hồ sơ bồi thường của ông liên quan đến việc xác định nguồn gốc đất nên hướng dẫn ông liên hệ UBND xã C để được giải quyết khiếu nại của ông liên quan đến phương án bồi thường của gia đình ông (mặc dù ông đã trình các phiếu hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh B và UBND xã V hướng dẫn liên hệ Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định để được giải quyết theo thẩm quyền). Tại đây, ông được thông báo hồ sơ bồi thường của ông căn cứ vào các Quyết định số 4337; Quyết định số 1659 của UBND tỉnh B (ông chưa nhận được bản chính hay bản photo các quyết định này).

Đến ngày 22/3/2023, hộ gia đình ông nhận được bản chính Quyết định số 584 về việc cưỡng chế thu hồi đất. Mặc dù hộ gia đình ông đang thực tế sử dụng 5.154,7m^2 đất và thuộc diện bị thu hồi toàn bộ đất nhưng cho đến nay gia đình ông chưa nhận được bất kỳ Quyết định thu hồi đất nào.

Ngày 22/3/2023, gia đình ông đột ngột nhận quyết định cưỡng chế thu hồi đất, trong khi các khiếu nại của ông liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ chưa được giải quyết thỏa đáng, do đó gia đình ông vô cùng bức xúc đối với quá trình giải quyết hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các cơ quan chức năng đối với hộ dân có đất bị thu hồi như gia đình ông. Do diện tích của gia đình ông đang thực tế sử dụng theo đo đạc kiểm kê trước đây là 5.154,7m^2 đất thuộc hoàn toàn vào dự án (chưa có diện tích cụ thể theo biên bản làm việc ngày 07/11/2022) nên việc UBND huyện V ban hành các Quyết định số 2185 (thu hồi diện tích 1.126,7m^2) và Quyết định số 1864 (điều chỉnh diện tích thu hồi 1.126,7m^2 thành 2.120,7m^2) là không đúng pháp luật và Quyết định cưỡng chế số 584 không thể thực hiện được vì căn cứ theo Quyết định này, các cơ quan ban ngành chỉ có thể cưỡng chế đối với diện tích thu hồi là 2120,7m^2, diện tích đất còn lại sẽ xử lý ra sao? Các cơ quan ban ngành không thể cưỡng chế đối với phần đất gia đình ông đang sử dụng nằm ngoài 2.120,7m^2 bị thu hồi theo Quyết định 1864. Do đó, ông đề nghị UBND huyện V xem xét và điều chỉnh các Quyết định thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông. Theo phương án bồi thường hiện tại, căn cứ vào Văn bản số 508/UBND ngày 16/11/2021 của UBND xã C xác định gia đình ông chỉ khai hoang 2.120,7m^2 đất, sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004, không tranh chấp nên Ban giải phóng mặt bằng tỉnh chỉ lập phương án và UBND tỉnh B chỉ phê duyệt bồi thường là 2.120,7m^2 theo xác nhận của UBND xã C) là gia đình ông khai hoang sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 đến nay.

Do đó, ông đề nghị Ban giải phóng mặt bằng tỉnh sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường đất cho gia đình ông đủ diện tích 3.336,7m^2, đề nghị

UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông đủ 3.336,7m^2. Bên cạnh đó, theo phương án tái định cư hiện tại, gia đình ông chỉ được xét giao 01 lô đất tái định cư đối với diện tích đất gia đình ông khai hoang sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 đến nay và đủ điều kiện bồi thường là 3.336,7m^2; Với diện tích được bồi thường này, gia đình ông đủ điều kiện xem xét giao 02 lô đất tái định cư. Vì vậy, ông đề nghị UBND tỉnh B và Ban giải phóng mặt bằng xem xét giải quyết giao cho gia đình ông 02 lô đất tái định cư. Việc UBND tỉnh B chỉ bồi thường 2,129,7m^2 đất và giao 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông như phương án bồi thường hiện nay đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân có đất bị thu hồi.

Vì vậy, ông đã khởi kiện các Quyết định hành chính nêu trên. Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B (Đ) liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q, hủy một phần Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm, ổn định đời sống và điều chỉnh, bổ sung cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B (Đợt 20) liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q. Đề nghị UBND tỉnh B giải quyết tại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình ông Mai Ngọc H theo quy định của pháp luật, hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp-Đô thị Becamex A (Phân khu 7), khu K (Đ), hủy Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND huyện V về việc điều chỉnh Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do Giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), khu K (Đ). Đề nghị UBND huyện V điều chỉnh diện tích đất thu hồi của gia đình ông theo đúng diện tích đất hộ gia đình ông đang thực tế sử dụng, hủy toàn bộ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND xã C về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Ngọc H, hủy toàn bộ Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 20/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện V về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q để thi hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021; quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND huyện V về việc thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B (phân khu 7), khu K (Đ).

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh B ***và*** UBND tỉnh B ***là ông*** Nguyễn Tuấn T **–** ***Phó Chủ tịch*** UBND tỉnh B ***trình bày:***

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu Công nghiệp B Bình Định, hộ ông Mai Ngọc H (vợ là bà Nguyễn Thị Q) kê khai diện tích ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.154,7m^2 (toàn bộ thửa đất) được UBND xã C xác nhận nguồn gốc đất tại công văn số 405/UBND ngày 12/8/2021 và công văn số 508/UBND ngày 16/11/2021, với nội dung: "Đất UBND xã C quản lý nhưng không phải đất công ích, hộ sử dụng các thửa đất 128,129, 130, tờ bản đồ số 06, diện tích 3.034m^2, sử dụng sau ngày 01/7/2004. Diện tích 2.120,7m^2 là do hộ khai hoang thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06, sử dụng ổn định không tranh chấp trước ngày 01/7/2004 đến nay. Hiện trạng trồng rừng sản xuất và hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Vị trí 2, nhóm 1".

Trên cơ sở kết quả xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã C, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 và Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 với tổng số tiền là 90.826.500 đồng (được bồi thường, hỗ trợ về đất với phần diện tích 2.120,7m^2 do hộ khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004; không được bồi thường, hỗ trợ về đất với diện tích 3.034m^2 đất do UBND xã C quản lý, hộ sử dụng sau ngày 01/7/2004, bồi thường cây cối trên toàn bộ diện tích 5.154,7m^2 đất. Hộ ông Mai Ngọc H (vợ là bà Nguyễn Thị Q) đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng vẫn yêu cầu tính toán bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 3.034m^2 đất còn lại do UBND xã C quản lý và có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức (Đ) và hủy một phần Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm, ổn định đời sống và điều chỉnh bổ sung cho một số hộ dân ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B (Đợt 20). Đề nghị UBND tỉnh B giải quyết lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình ông Mai Ngọc H theo quy định pháp luật.

UBND tỉnh B khẳng định: Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 và Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh B nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Việc ông Mai Ngọc H (vợ là bà Nguyễn Thị Q) khởi kiện hủy 02 Quyết định nêu trên là không có cơ sở.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V**,** UBND huyện V ***là ông*** Lương Đình T1 ***trình bày:***

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Căn cứ các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều khoản của Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2 quy định về hồ sơ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cơ và trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất; Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-TTg ngày 08/5/2019 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng khu K, tỉnh Bình Định cho đến năm 2040; Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B; Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh B về viêc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp - (Phân khu 7), khu K; Căn cứ Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp B (Đợt 15); Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm, ổn định đời sống và điều chỉnh bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp B (Đợt 20); Theo Công văn số 1278/BGPMB-BT ngày 01/11/2021 của Ban GPMB tỉnh về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp B. Địa bàn: Xã C, huyện V (Đ); Công văn số 472/BGPMB-BT ngày 07/6/2022 của Ban giải phóng mặt bằng tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp B. Địa bàn: Xã C, huyện V; Căn cứ các quy định trên và hồ sơ chi tiết do Ban GPMB tỉnh cung cấp, UBND huyện V đã ban hành các Quyết định thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh danh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp - (Phân khu 7), Khu K quy định cụ thể: Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do GPMB dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp B. Địa bàn: Xã C, huyện V (Đ); Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND huyện V về việc Điều chỉnh Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Mai Ngọc H và bà

Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do GPMB dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp B. Địa bàn: Xã C, huyện V (Đ).

Người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C**,** Ủy ban nhân dân xã C**,** huyện V, tỉnh Bình Định ***ông*** Trần Văn B ***là chủ tịch*** Ủy ban nhân dân xã C ***trình bày:***

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh B về việc triển khai thực hiện dự án Becamex B trên địa bàn xã C. UBND xã đã phối hợp Ban giải phóng mặt bằng tỉnh cùng với cá nhân, tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện việc đo đạc hồ sơ kỹ thuật thửa đất, kiểm kê, kiểm đếm diện tích đất, hoa màu, vật kiến trúc trên đất. Đối chiếu xác nhận nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất theo quy định. Trong đó có thửa đất số 157, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.154,7m^2 (bản dồ phục vụ giải phóng mặt bằng dựa vào dự án Becamex B). Hộ kê khai là ông Mai Ngọc H kê khai nhưng hộ gia đình ông không cung cấp được bất kỳ giấy tờ gì về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này.

UBND xã căn cứ vào sổ mục kê, bộ quản lý đất công ích xã, bản đồ 299 UBND xã lưu trữ để phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn xã. Công chức địa chính xã đã đối chiếu áp bản đồ phục vụ giải phóng mặt bàng lên bản đồ 299 UBND xã quản lý thử đất 157, tờ bản đồ số 20 diện tích 5.154,7m^2 được hợp thành từ 4 thửa đất gồm: Thửa 129, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.818m^2 (trọn thửa) và một phần của 03 thửa: thửa 128, diện tích 1.685m^2, thửa số 130, tờ bản đồ số 06, diện tích 525m^2, thửa 105, tờ bản đồ số 06, diện tích 157.680m^2 (thuộc bản đồ 299). Tại sổ mục kê UBND xã quản lý: Thửa 128, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.685m^2 (đất lúa do UBND xã quản lý); Thửa 129, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.818m^2 (đất lúa do UBND xã quản lý); Thửa số 130, tờ bản đồ số 06, diện tích 525m^2 (đất lúa do UBND xã quản lý); thửa 105, tờ bản đồ số 6, diện tích 157.680m^2 (đất hoang).

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ:

Thửa đất số 128, 129, 130, tờ bản đồ số 06. UBND xã cho đấu giá để sản xuất nông nghiệp chu kỳ 03 năm 2004 - 2007 thì thửa đất số 129 ông Mai Thành Đ đấu trúng; Thửa đất số 128, 129, 130, tờ bản đồ số 06. UBND xã tiếp tục cho đấu giá để sản xuất nông nghiệp chu kỳ 03 năm 2007 - 2010 thì thửa đất số 129 ông Mai Ngọc H đấu trúng; Thửa đất 129 ông H đấu giá để sản xuất nông nghiệp chu kỳ 03 năm (2007-2010), thời gian sau đó hộ ông H không đấu giá nữa mà ông chiếm sử dụng. Thửa đất số 128, đất UBND xã quản lý, ông H chiếm sử dụng. Thửa đất số 130 đất UBND xã quản lý, ông H chiếm sử dụng. Thửa đất số 105 loại đất hoang bằng, ông H khai hoang sử dụng.

Trên các cơ sở trên, UBND xã ban hành công văn số 405/UBND ngày 12/8/2021 về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do GPMB dự án gồm 41 hộ, trong đó có hộ ông Mai Ngọc H có diện tích đo đạc 5.154,7m^2 - (1.818m^2 + 1.685m^2 + 525m^2/đất xã quản lý) = 1.126,7m^2/đất khai hoang. Sau khi ban hành công văn gửi Ban giải phóng mặt

bằng tỉnh để áp giá bồi thường, hỗ trợ thì ông H có ý kiến thiếu diện tích. U kiểm tra lại thì phát hiện có sai sót là thực trạng ông H chỉ sử dụng trọn 01 thửa 129 (diện tích 1.818m^2) và một phần của các thửa 128 (diện tích sử dụng 852m^2/1685m^2) và thửa 130 (diện tích sử dụng 364m^2/525m^2). Tuy nhiên khi tính toán đã tính ông H sử dụng trọn cả 03 thửa đất xã quản lý (diện tích 4.208m^2) do vậy diện tích ông khai hoang còn 1.126,7m^2. Ngày 16/11/2021, UBND xã có công văn số 508/UBND về việc đính chính xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Mai Ngọc H cụ thể: Ông H chiếm dụng diện tích 852m^2/1685m^2 thuộc thửa 128, tờ bản đồ số 06 (đất lúa do UBND xã quản lý), ông H chiếm dụng diện tích 1.818m^2/1.818m^2 thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 06 (đất lúa do UBND xã quản lý), ông H chiếm dụng diện tích 364m^2/525m^2 thuộc thửa 130, tờ bản đồ số 06 (đất lúa do UBND xã quản lý). Tổng diện tích ông H chiếm dụng đất UBND xã 3.034m^2, Ông H khai hoang sử dụng diện tích 2.120,7m^2/157.680m^2 thuộc thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 (đất hoang bằng).

Căn cứ xác nhận trên, Ban giải phóng mặt bằng tỉnh đã áp giá bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất trên toàn bộ diện tích 5.154,7m^2. Riêng bồi thường, hỗ trợ về đất thì chỉ bồi thường, hỗ trợ diện tích hộ ông khai hoang 2.120,7m^2, còn diện tích đất UBND xã quản lý 3.034m^2 thì không bồi thường. (Đất của Nhà nước thu hồi không bồi thường đất cho bất kỳ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào). UBND xã căn cứ vào thực trạng, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, các hồ sơ lưu trữ như: Sổ mục kê, bản đồ 299, hồ sơ kỹ thuật thửa đất,… Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn UBND xã thì việc ban hành công văn số 508/UBND, ngày 16/11/2021 về việc đính chính xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Mai Ngọc H bị thiệt hại do GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B là đúng thẩm quyền, đúng quy trình, quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 15/9/2022, UBND xã C có nhận đơn khiếu nại của ông Mai Ngọc H, sinh năm 1963 thường trú tại thôn T, xã C. Nội dung: khiếu nại công văn số 508/UBND ngày 16/11/2022 của UBND xã C; UBND xã C tiếp nhận và tiến hành giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại. Việc ban hành công văn số 508/UBND ngày 16/11/2022 về việc xác nhận nguồn gốc đất bị ảnh hưởng bởi dự án Becamex B: Về trình tự, thủ tục, quy trình xác nhận nguồn gốc đất, quá trình chiếm, sử dụng đất của ông Mai Ngọc H để theo nội dung báo cáo số 47/BC-UBND ngày 04/5/2023 của UBND xã C (có báo cáo gửi kèm theo). Về việc ban hành Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND xã C. UBND xã C tiếp nhận đơn, thụ lý đơn, phân công nhiệm vụ, xác minh thêm thông tin, kiểm tra hồ sơ liên quan,… theo quy định của Luật khiếu nại (Có các hồ sơ minh chứng kèm theo). Theo quy định là giải quyết khiếu nại lần đầu là 30 ngày, trường hợp vụ việc phức tạp thì không quá 45 ngày. Từ khi UBND xã tiếp nhận đơn ông Mai Ngọc H ngày 15/9/2022 thì trong tháng có 05 đợt mưa bão lớn xảy ra trên địa bản. UBND xã tập trung công tác phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả theo 05 công điện của UBND tỉnh: Công văn số 07/CĐ-PCTT 25/9/2022; Công điện số 08/CĐ-PCTT 27/9/2022; Công điện số 09/CĐ-PCTT 10/10/2022; Công điện số 10/CĐ-PCTT 12/10/2022; Công điện số

11/CĐ-PCTT 17/10/2022. Bên cạnh đó, dự án này là dự án lớn của tỉnh nằm trên địa bàn xã nên khi có giải quyết vụ việc có liên quan dự án thì cần có sự phối hợp với Ban quản lý khu kinh tế tỉnh, Ban giải phóng mặt bằng tỉnh, Tổng Công ty B3, Công ty Đ1,… cùng thời điểm này các cơ quan, đơn vị trên cũng triển khai công tác phòng chống thiên tai theo công điện của tỉnh nên việc giải quyết khiếu nại này có yếu tố phức tạp do khách quan. UBND xã C ban hành Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 15/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Ngọc H (lần đầu) là đúng theo quy định hiện hành. UBND xã C giữ nguyên Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND xã C. Về yêu cầu khởi kiện của ông Mai Ngọc H là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định trình bày:

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Mai Ngọc H vợ là bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B đợt 15 và đợt 20: Hộ ông Mai Ngọc H, vợ bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 157, mảnh chỉnh lý số 20, diện tích 5.154,7m^2 (thu hồi hết thửa). Căn cứ Công văn số 405/UBND ngày 12/8/2021 của UBND xã C về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân bị thiệt hại GPMB dự án nêu trên. Trong đó có ông Mai Ngọc H, vợ bà Nguyễn Thị Q, có nội dung như sau. Thửa đất số 157, tờ bản đồ số 20 "đất UBND xã quản lý nhưng không phải đất công ích, hộ sử dụng các thửa đất số 128, 129, 130, tờ bản đồ số 6, diện tích 4.028m^2, sử dụng sau ngày 01/7/2004, diện tích 1.126,7m^2 là do hộ khai hoang thửa đất số 105, tờ bản đồ số 6, sử dụng ổn định không tranh chấp trước ngày 01/7/2004 đến nay. Hiện trạng trồng rừng sản xuất và hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp vị trí 2, nhóm 1".

Từ cơ sở xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã C, Ban GPMB tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Mai Ngọc H, vợ Nguyễn Thị Q và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ là 56.036.500 đồng (1) cụ thể: Căn cứ khoản 2 Điều 8, Quyết định số 23/2019 ngày 04/6/2019 "Đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nhưng không có GCN hoặc không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, QSH nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật đất đai thì được bồi thường với diện tích thực tế đang sử dụng tại Điều 129 Luật đất đai". Do vậy, đối với phần diện tích 4.028m^2, hộ sử dụng sau ngày 01/7/2004, thuộc diện tích đất do UBND xã quản lý, nên không bồi thường, hỗ trợ về đất, được bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu trên đất.

Kinh phí bồi thường về đất: (1.126,7m^2 x 14.000 đồng/m^2) = 15.773.800 đồng;

Kinh phí hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm: (1.126,7m^2 x 21.000 đồng/m^2) = 23.660.700 đồng;

Kinh phí bồi thường cây cối, hoa màu: 16.602.000 đồng trên diện tích 5.154,7m^2.

Ngày 16/11/2021, UBND xã C có công văn số 508/UBND về việc đính chính xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Mai Ngọc H bị thiệt hại do giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B. Có nội dung sau: Thửa đất số 157, mảnh chỉnh lý số 20 đất UBND xã quản lý nhưng không phải đất công ích, hộ sử dụng các thửa số 128, 129, 130, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.034m^2, sử dụng sau ngày 01/7/2004, diện tích 2.120,7m^2 là do hộ khai hoang thửa đất số 105, tờ bản đồ số 6, sử dụng ổn định không tranh chấp trước ngày 01/7/2004 đến nay. Hộ trồng rừng sản xuất và hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, "vị trí 2, nhóm 1". Từ cơ sở đính chính xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã C, Ban GPMB tỉnh tiến hành điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Mai Ngọc H, vợ bà Nguyễn Thị Q và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 với tổng giá trị bồi thường hỗ trợ cho ông H sau khi tính toán lại là 90.826.500 đồng (2) cụ thể: Căn cứ khoản 2, Điều 8, Quyết định số 23/2019 ngày 04/6/2019 "Đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nhưng không có GCN hoặc không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, QSH nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật đất đai thì được bồi thường với diện tích thực tế đang sử dụng tại Điều 129 Luật đất đai". Do vậy, đối với phần diện tích 4.028m^2, hộ sử dụng sau ngày 01/7/2004, thuộc diện tích đất do UBND xã quản lý, nên không bồi thường, hỗ trợ về đất, được bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu trên đất.

Kinh phí bồi thường về đất: (2.120,7m^2 x 14.000 đồng/m^2) = 29.689.800 đồng;

Kinh phí hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm: (2.120,7m^2 x 21.000 đồng/m^2) = 44.534.700 đồng;

Kinh phí bồi thường cây cối, hoa màu: 16.602.000 đồng trên diện tích 5.154,7m^2;

Giá trị bổ sung cho hộ ông H là 90.826.500 đồng – 56.036.500 đồng = 34.790.000 đồng.

Như vậy, qua 02 phương án được UBND tỉnh phê duyệt ông H được phê duyệt tổng giá trị bồi thường là 90.826.500 đồng.

Việc Ban giải phóng mặt bằng tỉnh thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ cho hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B như trên là đúng quy định hiện hành. Ban giải phóng mặt bằng tỉnh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần B2 ***trình bày:***

Công ty cổ phần B2 là chủ đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp B theo Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-HĐBT ngày 01/12/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp - (Phân khu 7) (sau đây gọi tắt Hội đồng bồi thường) về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng bồi thường. Theo đó, Công ty Cổ phần B2 có trách nhiệm, ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư cho các đối tượng bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng dựa trên phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 (đợt 15) và Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 (Đợt 20) của UBND tỉnh B, ngày 04/4/2023, Công ty Cổ phần B2 đã ứng trước tiền và phối hợp với Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định thực hiện chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Mai Ngọc H với số tiền là 90.826.000 đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần B2 không có thẩm quyền và nghĩa vụ thực hiện các công tác khác liên quan đến việc thu hồi đất và đền bù giải phóng mặt bằng. Do đó, đối với vụ án hành chính khiếu kiện các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nêu trên.

Công ty Cổ phần B2 không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập gì.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N **đề nghị**: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Ngọc H yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do giải phóng măt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B (Đ) liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q, hủy một phần Quyết định số 1659/QĐ-UBND và hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q; hủy Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND huyện V về việc điều chỉnh Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V; Đề nghị UBND huyện V điều chỉnh diện tích đất thu hồi của gia đình ông theo đúng diện tích đất hộ gia đình ông đang thực tế sử dụng, hủy toàn bộ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25/10/2022, hủy toàn bộ Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 20/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện V về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Mai Ngọc H.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2023/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

- Căn cứ quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất,Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T2 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thu hồi đất, Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B (Đ) liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q, hủy một phần Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm, ổn định đời sống và điều chỉnh, bổ sung cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B (Đợt 20).

- Đề nghị UBND tỉnh B giải quyết lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình ông Mai Ngọc H theo quy định của pháp luật, hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), khu K (Đ), hủy Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND huyện V về việc điều chỉnh Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do Giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), khu K (Đ).

- Đề nghị UBND huyện V điều chỉnh diện tích đất thu hồi của gia đình ông theo đúng diện tích đất hộ gia đình ông đang thực tế sử dụng, hủy toàn bộ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND xã C về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Ngọc H, hủy toàn bộ Quyết định số

584/QĐ-UBND ngày 20/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện V về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q để thi hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021; Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND huyện V về việc thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp B (Phân khu 7), khu K (Đ).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2023, người khởi kiện ông Mai ngọc H4 kháng cáo toàn bộ Bản án đề nghị sửa án sơ thẩm và hủy các quyết định liên quan.

Tại phiên toà, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Mai ngọc H4 giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 53/2023/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Mai ngọc H4 *thì thấy:* Thực hiện dự án Becamex B, UBND xã C đã phối hợp Ban giải phóng mặt bằng tỉnh cùng với cá nhân, tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện việc đo đạc hồ sơ kỹ thuật thửa đất, kiểm kê, kiểm đếm diện tích đất, hoa màu, vật kiến trúc trên đất. Đối chiếu xác nhận nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ, khi thu hồi đất, các Cơ quan của tỉnh Bình Định xác định trong phần đất bị thu hồi của hộ ông Mai Ngọc H có 1.126,7m^2 đất khai hoang đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 nên được bồi thường về đất, phần diện tích còn lại chỉ được bồi thường về cây trồng trên đất.

Đến ngày 16/11/2021, UBND xã C có công văn số: 508/UBND về việc đính chính xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Mai Ngọc H cụ thể: Ông H chiếm dụng diện tích 852m^2/1685m^2 thuộc thửa 128, tờ bản đồ số 06 (đất lúa do UBND xã quản lý), ông H chiếm dụng diện tích 1.818m^2/1.818m^2 thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 06 (đất lúa do UBND xã quản lý), ông H chiếm dụng diện tích 364m^2/525m^2 thuộc thửa 130, tờ bản đồ số 06 (đất lúa do UBND xã quản lý). Tổng diện tích ông H chiếm dụng đất của UBND xã 3.034m^2, ông H khai hoang

sử dụng diện tích 2.120,7m^2/157.680m^2 thuộc thửa đất số 105 tờ bản đồ số 06 (đất hoang). Trên cơ sở đó, Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định đã áp giá bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất trên toàn bộ diện tích 5.154,7m^2. Riêng bồi thường, hỗ trợ về đất thì chỉ bồi thường, hỗ trợ diện tích hộ ông khai hoang 2.120,7m^2, còn diện tích đất UBND xã quản lý 3.034m^2 thì không bồi thường.

Ông Mai ngọc H4 cho rằng, việc các cơ quan của tỉnh Bình định xác định phần diện tích đất khai hoang được bồi thường 2.120,7m^2 là không đúng với quá trình sử dụng đất với lý do: Tại thời điểm kiểm kê là 5.154.7m^2; trong đó bao gồm 1.818m^2 đất gia đình ông đấu giá của UBND xã C, còn lại 3.336,7m^2 là đất do gia đình ông khai hoang trước ngày 01/7/2004 nhưng tại lần điều chỉnh bổ sung, UBND tỉnh B chỉ xem xét bồi thường 2.120,7m^2 là chưa đủ diện tích đất gia đình ông khai hoang. Do đó, ông đề nghị Tòa án xem xét hủy một phần Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B; hủy một phần Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B; hủy Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện V về việc thu hồi đất hộ ông Mai Ngọc H và bà Nguyễn Thị Q; đề nghị UBND tỉnh B giải quyết lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình ông Mai Ngọc H theo quy định của pháp luật, đề nghị UBND huyện V điều chỉnh diện tích đất thu hồi của gia đình ông theo đúng diện tích đất hộ gia đình ông đang thực tế sử dụng.

[2] HĐXX thấy rằng: Về nguồn gốc đất: Diện tích đất bị thu hồi 5.154,7m^2 của hộ ông Mai Ngọc H được hợp thành từ 4 thửa đất gồm: Toàn bộ thửa đất số 129, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.818m^2; một phần của 03 thửa đất: thửa 128, diện tích 1.685m^2; thửa số 130, tờ bản đồ số 06, diện tích 525m^2; thửa 105, tờ bản đồ số 06, diện tích 157.680m^2. Tại sổ mục kê UBND xã quản lý thể hiện: Thửa đất số 128, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.685m^2 (đất lúa do UBND xã quản lý); Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.818m^2 (đất lúa do UBND xã quản lý); Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 06, diện tích 525m^2 (đất lúa do UBND xã quản lý); thửa 105, tờ bản đồ số 06, diện tích 157.680m^2 (đất hoang). Đối với thửa đất số 129, tờ bản đồ số 06, ông Mai Ngọc H đấu trúng để sản xuất nông nghiệp chu kỳ 03 năm 2007-2010 và thời gian sau đó hộ ông H không đấu giá nữa mà ông chiếm sử dụng. Đối với thửa đất số 128 và thửa đất số 130 (loại đất do UBND xã quản lý) ông H chiếm sử dụng. Đối với thửa 105, tờ bản đồ số 06, diện tích 157.680m^2 (loại đất hoang), ông Mai Ngọc H khai hoang được một phần diện tích 2.120,7m^2.

Như vậy, phần diện tích còn lại 3.336,7m^2 được các Cơ quan nhà nước xác định là do ông H quản lý sử dụng sau ngày 01/7/2004 là có cơ sở. Do đó, việc UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi đất, UBND tỉnh B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình ông Mai Ngọc H là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Mai Ngọc H không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở nên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không không được chấp nhận nên ông Mai Ngọc H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH$_{14}$ ngày 30/12/20016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

***Tuyên xử*:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Ngọc H, giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số: 53/2023/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Mai Ngọc H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0001867 ngày 04/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định do bà Nguyễn Thị N nộp thay.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn